TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-11-2020
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh C ..

2. Bị đơn: Bà Trần Thu B, sinh năm 1977. (xin vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Khai Long, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1992 ông M và bà Thu Ba đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng – huyện Cái Nước – tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, không biết ai quản lý.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, đã ly thân hơn 07 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông M yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thu B.

- Về con chung: Có 03 người, tên Nguyễn Trung Tính – sinh năm 1997, Nguyễn Tính Nhiệm – sinh năm 2000 và Nguyễn Như Huỳnh – sinh năm 2005, đối với Trung Tính và Tính Nhiệm đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, ông M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Như Huỳnh, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Trần Thu B trình bày:* Bà và ông M tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng – huyện Cái Nước, theo bà Thu Ba được biết thì giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, bà không biết ai đang quản lý.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 07 năm gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi với nhau, đã ly thân từ đó đến nay. Bà Thu Ba đồng ý ly hôn với ông M.

Có 03 người con chung, tên Nguyễn Trung Tính – sinh năm 1997, Nguyễn Tính Nhiệm – sinh năm 2000 và Nguyễn Như Huỳnh – sinh năm 2005, đối với Trung Tính và Tính Nhiệm đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, hiện nay Như Huỳnh đang sống chung với ông M, nên bà Thu Ba đồng ý giao cháu Huỳnh cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Nguyễn Văn M trình bày yêu cầu: Ông M yêu cầu ly hôn với bà Trần Thu B; Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như Huỳnh, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ thu: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Trần Thu B xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thu B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thu B.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Theo lời trình bày của các đương sự, vào năm 1992 ông M và bà B tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng – huyện Cái Nước, nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc, không biết ai quản lý; đồng thời, tại giấy xác nhận ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã Phú Hưng – huyện Cái Nước xác nhận ông M và bà B không có tên trong sổ lưu tại UBND xã Phú Hưng, do đó: Hôn nhân giữa các đương sự được xác định là chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Ông M và bà B đều có văn bản trình bày ý kiến của mình và đồng ý ly hôn với nhau, tuy nhiên việc thuận tình ly hôn của các đương sự không được Tòa án công nhận, do ông bà sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, theo quy định

tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thu B không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có 03 người con chung, tên Nguyễn Trung Tính – sinh năm 1997, Nguyễn Tính Nhiệm – sinh năm 2000 và Nguyễn Như Huỳnh – sinh năm 2005.

Hội đồng xét xử nhận định: Đối với Trung Tính và Tính Nhiệm đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Như Huỳnh đang sống chung với ông M, cháu có nguyện vọng sống chung với ông M, đồng thời bà Thu Ba cũng đồng ý giao cháu Huỳnh cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Như Huỳnh cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Bà Thu Ba không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông M.

[2.3] Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thu B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như Huỳnh – sinh năm 2005 cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Thu Ba không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông M.

3. Về tài sản chung và nợ thu: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006353 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, án phí sơ thẩm ông M đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Trần Hoàng Tuấn